TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do -Hạnh phúc

Bản án số: 47/2023/DS- ST
Ngày 13/9/2023
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và hui".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân:+ Bà Trương Thị Hương;

+ Bà Huỳnh Thị Mỹ Lễ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2022/TLST - DS ngày 16 tháng 6 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 755/2023/QĐXXST – DS, ngày 26 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 899/2023/QĐST – DS, ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1978 (tên thường gọi là Trúc P) và ông Đặng Ngọc Q, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: Tổ dân phố H, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Pg ủy quyền cho chị Phan Thị Thu T; địa chỉ: 267 N, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi theo Hợp đồng ủy quyền ngày 29/5/2023.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thanh P, sinh năm 1983

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố H, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn ông Đặng Ngọc Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị P vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa; bị đơn bà Trần Thị Thanh P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2022; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 14/6/2022; Đơn khởi kiện về việc đòi nợ ngày 22/6/2022; các lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P, ông Đặng Ngọc Q; chị Phan Thị Thu T là người đại diện theo ủy quyền của bà P trình bày:

Bà Trần Thị Thanh P với ông Đặng Ngọc Q và bà Nguyễn Thị P là chỗ quen biết, hàng xóm của nhau; năm 2021 bà P có nhiều lần vay tiền của ông Q, bà P; cụ thể mỗi lần vay:

Ngày 30/3/2021 vay: 50.000.000đ

Ngày 04/7/2021 (AL) vay: 50.000.000đ

Ngày 24/7/2021 vay : 50.000.000đ

Ngày 10/8/2021 vay: 50.000.000đ

Ngày 26/8/2021 vay: 20.000.000đ

Ngày 05/9/2021 vay: 30.000.000đ

Ngày 20/9/2021 vay: 150.000.000đ

Ngày 22/10/2021 vay : 50.000.000đ

Tổng cộng, bà P đã vay của ông Q, bà P số tiền 450.000.000đ; mỗi lần vay đều ghi chép vào sổ và bà P ký xác nhận; vay không có lãi suất, khi nào cần thì báo cho bà P trả. Cuối năm 2021, ông Q và bà P yêu cầu bà P trả nợ nhưng đến nay bà P không trả nợ mà còn thách thức ông bà. Cùng trong năm 2021 bà P tham gia chơi 19 dây hụi do bà P làm chủ và nợ bà P số tiền 281.000.000đ; ngày 24/4/2022 bà P trả được cho bà P 2.000.000đ, từ đó không trả nữa nên hiện nay bà P còn nợ bà P 279.000.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 06/9/2023 nguyên đơn ông Đặng Ngọc Q, bà Nguyễn Thị P có đơn xin rút yêu cầu phần nợ Hụi số tiền 279.000.000đ.

Vì bà Trần Thị Thanh P vay tiền để làm ăn, phục vụ kinh tế gia đình nên ông Q, bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc Bà Trần Thị Thanh P và ông Nguyễn Hữu T cùng có nghĩa vụ trả cho ông, bà số tiền nợ gốc đã vay là 450.000.000đ; về tiền lãi không yêu cầu.

Bị đơn bà Trần Thị Thanh P trình bày: Giữa bà P với ông Q, bà P chỉ có quan hệ làm ăn, không có bà con họ hàng gì. Bà P thừa nhận nhiều lần vay tiền của bà P nhưng cụ thể các lần vay thì không nhớ, mỗi lần vay khoảng 20.000.000đ đến 50.000.000đ. Sau đó, bà Pg tổng kết các lần vay thành 150.000.000đ; vay tiền có tính lãi (30%/tháng). Bà P có trả lãi nhưng không rõ số tiền lãi đã trả là bao nhiêu và không nhớ ngày trả; không có chứng cứ gì chứng minh có việc trả lãi. Tất cả các giấy vay thì do bà P ghi, còn bà P chỉ ký. Mục đích vay tiền là để về cho người khác vay lại nhằm lấy lãi chênh lệch phục vụ kinh tế gia đình.

- Về tiền hụi: Bà P cũng thừa nhận có tham gia chơi hụi mà bà P là chủ hụi; nhưng không nhớ tham gia chơi bao nhiêu dây hụi và cũng không nhớ số lần hốt hụi; không nhớ đóng bao nhiêu tháng hụi. Việc chốt tiền hụi giữa bà với bà P thì bà không ký vào giấy chốt nợ nhưng bà có trả cho bà P được 2.000.000đ. Bà P đồng ý có nợ của bà P, ông Q số tiền 450.000.000đ, trong đó có cả nợ vay và nợ hụi

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các các văn bản tố tụng khác cho bị đơn ông Nguyễn Hữu T nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án; không tham gia các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Thanh P có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Ngọc Q và bà Nguyễn Thị P số tiền nợ gốc 450.000.000đồng *(Bốn trăm năm mươi triệu đồng)*; về tiền lãi: không yêu cầu nên không xem xét; nguyên đơn rút yêu cầu phần nợ Hụi số tiền 279.000.000đ; đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Thanh P phải trả cho nguyên đơn ông Đặng Ngọc Q, bà Nguyễn Thị P số tiền nợ hụi là 279.000.000đồng *(Hai trăm bảy mươi chín triệu*); ngoài ra đương sự còn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn là bà Trần Thị Thanh P; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Hiện nay, bà Trần Thị Thanh P có nơi cư trú tại: Tổ dân phố H, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý vụ án "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và hụi" theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P, ông Đặng Ngọc Q là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các các văn bản tố tụng khác cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Hữu T theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Đặng Ngọc Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P có mặt tại phiên tòa; bị đơn bà Trần Thị Thanh P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các khoản nợ vay: Căn cứ giấy mượn tiền ghi các ngày 30/3/2021; ngày 04/7/2021(AL); ngày 24/7/2021; ngày 10/8/2021; ngày 26/8/2021; ngày 05/9/2021; ngày 20/9/2021 và ngày 22/10/2021 do nguyên đơn bà P, ông Q cung cấp; có căn cứ xác định: Trong năm 2021 bà Trần Thị Thanh P đã nhiều lần vay tiền của bà P, ông Q cụ thể: Ngày 30/3/2021 vay: 50.000.000đ; ngày 04/7/2021 (AL) vay: 50.000.000đ; ngày 24/7/2021 vay: 50.000.000đ; ngày 10/8/2021 vay: 50.000.000đ; ngày 26/8/2021 vay: 20.000.000đ; ngày 05/9/2021 vay: 30.000.000đ; ngày 20/9/2021 vay: 150.000.000đ và ngày 22/10/2021 vay 50.000.000đ; bà P thừa nhận nhiều lần vay tiền của bà P, ông Q, mỗi lần vay tiền đều viết giấy và bà P là người ký xác nhận; theo giấy ghi nợ có chữ ký xác nhận của bà P thì bà P có vay của bà P, ông Q tổng số tiền 450.000.000đ như yêu cầu của nguyên đơn; bị đơn bà Trần Thị Thanh P cho rằng: Bà có vay tiền nhiều lần nhưng đã chốt nợ vay, bà còn nợ của ông Q, bà P số tiền 150.000.000đ nhưng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho ý kiến của mình. Việc bị đơn bà Trần Thị Thanh P không trả đầy đủ khoản nợ cho nguyên đơn ông Q, bà P khi nguyên đơn yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, ông Q, bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Trần Thị Thanh P có nghĩa vụ trả cho ông Q, bà P số tiền nợ gốc là 450.000.000đồng *(Bốn trăm năm mươi triệu đồng*) là có căn cứ, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Nguyên đơn yêu cầu bà P và ông T có nghĩa vụ cùng trả số tiền trên; HĐXX thấy, ông T có biết việc bà P, ông Q khởi kiện yêu cầu ông và bà P có trách nhiệm trả số nợ trên nhưng ông không có ý kiến, không đến Tòa làm việc ... Bà P thừa nhận, bà vay tiền của bà P, ông Q để làm ăn nhằm phục vụ kinh tế gia đình, do đó yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được HĐXX chấp nhận, theo

đó: Ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Thanh P phải có trách nhiệm cùng trả số nợ trên cho ông Q, bà P.

Về lãi suất: Nguyên đơn ông Q, bà P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản nợ tiền hụi:

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án; ngày 06/9/2023 nguyên đơn là ông Q, bà P đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hụi là 279.000.000đ; tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị P không có ý kiến gì; việc rút phần yêu cầu đối với số tiền nợ hụi của nguyên đơn là tự nguyện; căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi là 279.000.000đ.

[2.3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Ngọc Q; bà Nguyễn Thị P được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản mà bà Phố, ông Toán phải trả cho ông Q, bà P là 450.000.000đ, cụ thể: [20.000.000đ + (50.000.000 x 4% = 2.000.000đ) = 22.000.000đ]; theo đó, ông T và bà P cùng phải chịu 22.000.000đ *(Hai mươi hai triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Đặng Ngọc Q, bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 175, 235, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự; Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Ngọc Q, bà Nguyễn Thị P. Buộc bà Trần Thị Thanh P, ông Nguyễn Hữu T cùng có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Ngọc Q và bà Nguyễn Thị P số tiền nợ gốc 450.000.000đồng *(Bốn trăm năm mươi triệu đồng)*

Về tiền lãi: Ông Q, bà P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Thanh P và ông Nguyễn Hữu T phải trả cho nguyên đơn ông Đặng Ngọc Q, bà Nguyễn Thị P số tiền nợ hụi là 279.000.000đồng *(Hai trăm bảy mươi chín triệu đồng)*

3. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Thanh P phải chịu 22.000.000đ *(Hai mươi hai triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Đặng Ngọc Q, bà Nguyễn Thị P 17.975.000đ *(Mười bảy triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí bà P, ông Q đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002668, ngày 15/6/2022 và số 0002688, ngày 06/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (13/9/2023); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đ;
- Chi Cục THADS thị xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Vân

Các thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**